TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2018/QĐST- KDTM	*Sầm Sơn, ngày 29 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290, Điều 305, Điều 471; khoản 1, khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476; điểm b khoản 1 Điều 318; khoản 1, khoản 3 Điều 342; Điều 751 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1, 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 và khoản 2 Điều 365 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 04/2018/TLST- KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Công ty Tránh nhiệm hữu hạn M.

Địa chỉ: Số 22 , phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang C – Phó tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Mai Xuân T – Giám đốc

Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Minh G – Chuyên viên phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp.

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ: thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn N – Giám đốc Công ty

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị P;

2. Ông Nguyễn Đỗ D và bà Cao Thị V;

Địa chỉ: Cùng khu phố C, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

3. Ông Nguyễn Đỗ K và bà Lê Thị B;

Địa chỉ: Cùng khu phố Y, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

4. Ông Đỗ Văn Hvà bà Trịnh Thị L;

5. Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị H;

6. Ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị T;

Địa chỉ: Cùng khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 09/5/2011 Tổng công ty T (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Viết tắt P) và Công ty cổ phần Đ, đã ký kết hợp đồng tín dụng số 11-02S/PGD/HDTD, với hạn mức cấp tín dụng là 10.000.000.000đ (mười tỷ), mục đích bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ; lãi suất cho vay được áp dụng mức lãi suất của P tại thời điểm giải ngân; lãi suất cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ, do P thông báo tại thời điểm phát sinh nhưng tối thiểu bằng 120% lãi suất cho vay của kỳ hạn tính lãi gần nhất áp dụng đối với số dư nợ gốc thực tế được cơ cấu lại và thời gian cơ cấu lại, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay áp dụng tại ngày đến hạn đối với phần nợ đến hạn chưa được trả hoặc bằng 100% lãi suất cho vay áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ chưa đến hạn nhưng phải chuyển thành nợ quá hạn.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng P tiến hành giải ngân cho Công ty cổ phần Đ làm 07 lần, với tổng số tiền là 8.375.915.678đ (tám tỷ ba trăm bảy lăm triệu chín trăm mười lăm nghìn sáu trăm bảy tám đồng). Để bảo đảm khoản vay theo hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần Đ đã thế chấp tài sản của gia đình và

những người thân thích, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng công chứng N.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần Đ đã thanh toán được cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc: 5.460.015.678đ (năm tỷ bốn trăm sáu mươi triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm bảy tám đồng) và 1.119.807.691đ (một tỷ một trăm mười chín triệu tám trăm linh bảy nghìn sáu trăm chín mốt đồng) tiền nợ lãi.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi, nên đến ngày 18/11/2014, Ngân hàng P đã bán toàn bộ khoản nợ trên (kèm theo hồ sơ tài sản bảo đảm) lại cho Công ty TNHH M (gọi tắt làV).

Tính đến ngày 21/6/2018, Công ty cổ phần Đ nợ lại Công ty V số tiền:

Nợ gốc: 2.915.900.000đ (Hai tỷ chín trăm mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Nợ lãi trong hạn: 2.563.021.048đ (Hai tỷ năm trăm sáu ba triệu không trăm hai mốt nghìn không trăm bốn tám đồng)

Nợ lãi quá hạn: 899.479.108đ (Tám trăm chín chín triệu bốn trăm bảy chín nghìn một trăm linh tám đồng);

Tổng cộng: 6.378.400.156đ (Sáu tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn một trăm năm sáu đồng).

Nay Công ty cổ phần Đcó trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Công ty V trước ngày 30/9/2018,việc trả nợ được ưu tiên trừ vào dư nợ gốc còn lạivà phải tiếp tục trả nợ lãi khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng.Trường hợp đến hết ngày 30/9/2018, Công ty cổ phần Đ, không thanh toán được số nợ trên thì Công ty V có quyền yêu cầu thi hành án để xử lý các tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số:1020, tờ bản đồ số 03, diện tích 309m2, thôn Y, xã Q, huyện Q (nay làkhu phố Y, phường Q, thành phố S, tỉnh T). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-00060 , cấp ngày 25/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp, mang tên ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị P. 1/3 căn nhà cấp 4, 03 gian lợp ngói được xây dựng trên thửa đất là tài sản thế chấp.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 1260, tờ bản đồ số 5, diện tích 175m2, thôn C, xã Q, huyện Q (nay là khu phố C, phường Q, thành phố S, tỉnh T). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sốBG 533012, cấp ngày 21/7/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp, mang tên bà Nguyễn Thị P.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 1261, tờ bản đồ số 5, diện tích 175m2, thôn C, xã Q, huyện Q (nay là khu phố C, phường Q, thành phố S, tỉnh T). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sốBG 533007, cấp ngày 21/7/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp, mang tên ông Đỗ Văn N

- Toàn bộ tài sản phát sinh sau thời điểm thế chấp gồm: nhà kiên cố và các

công trình trên đất được xây dựng trên 02 thửa 1260 và 1261 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa số 953-1, tờ bản đồ số 03, diện tích 216,8m2,tại thô Y, xã Q, huyện Q(nay là tại khu phố Y, phường Q, thành phố S, T). Giấy chứng nhận QSD đất số BC 002962, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH-00027, cấp ngày 28/6/2010. Do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp, mang tên ông Nguyễn Đỗ D và bà Cao Thị V.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa 1015, tờ bản đồ số 03, diện tích 200m2,tại thôn C, xã Q, huyện Q(nay là tại khu phố C, phường Q, thành phố S, T). Giấy chứng nhận QSD đất số G 617332, cấp ngày 30/8/1995. Do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp, mang tên ông Nguyễn Đỗ K.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tại thửa 1135-2, tờ bản đồ số 02, diện tích 245m2, tại thôn T, xã Q, huyện Q (nay là khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh T). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 428367, cấp ngày 05/3/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp, mang tên ông Đỗ Văn N.

- Quyền sử dụng đất số E 0163664, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01022/QSDĐ, ngày 20/10/1994 do Uỷ ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Đỗ Văn H, tại thửa 997, tờ bản đồ số 02 diện tích 600m2tại thôn T, xã Q, huyện Q (nay là khu phố T, phường Q, thành phố S, T. Hiện trạng thửa đất thế chấp không có nhà, chỉ có tường rào xây gạch và không có lối đi.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số:BĐ 428369, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-00170, ngày 05/3/2011do Uỷ ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Đỗ Văn T, tại thửa số 1135, tờ bản đồ số 02, diện tích 720m2 tại thôn T, xã Q, huyện Q (nay là khu phố T, phường Q, thành phố S, T).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: BĐ 428368,vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-00171, ngày 05/3/2011 doUỷ ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Đỗ Văn T, tại thửa số 1135-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 245m2 tại thôn T, xã Q, huyện Q (nay làkhu phố T, phường Q, thành phố S, T).

** Về án phí DSST:*

Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 57.189.200đ (năm bảy triệu một trăm tám chín nghìn hai trăm đồng)

Trả lại cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí 57.135.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004049 ngày 19/4/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo phúc quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Tp. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi